

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/ 01 /2022

V/v: Ly hôn, tr/c nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Nguyệt

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Duy Tuyên;

Bà Hoàng Thị Nga .

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hương - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/ 2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 24/2021/ QĐXX-ST ngày 13 tháng 12 năm 2021 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H – Sinh năm 1984

ĐKHKTT: phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Khu phố P, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn : Anh Nguyễn Hồng Đ – Sinh năm 1971

Địa chỉ: phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 10 năm 2021, tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Hồng Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 22/3/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại phố 8, phường Q, thành phố T. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình, quan điểm và cách sống không phù hợp. Mặt khác anh Đ không có trách nhiệm, quan tâm đến gia đình, không chịu khó làm ăn dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Từ tháng 5/2021 vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, trách nhiệm với nhau. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung, cháu Nguyễn Hồng C, sinh ngày 17/09/2011 và cháu Nguyễn Hồng T, sinh ngày 06/9/2014. Ly hôn chị H đề nghị giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hồng T, giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hồng C, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và C nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hồng Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị H về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, thời điểm phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do kinh tế khó khăn, tình cảm vợ chồng rạn nứt, chị H không còn quan tâm, tin tưởng anh nữa, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2021, đến nay và chị H không còn tình cảm với anh, tuy nhiên anh vẫn còn tình cảm với chị H, nay chị H đề nghị giải quyết ly hôn anh không đồng ý mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung, cháu Nguyễn Hồng C, sinh ngày 17/09/2011 và cháu Nguyễn Hồng T, sinh ngày 06/9/2014. Nếu ly hôn anh đồng ý giao cho cháu Nguyễn Hồng T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Hồng C cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và C nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, nuôi con và tài sản, C nợ.

Anh Đ không đồng ý ly hôn, về con cái, tài sản, C nợ anh thống nhất với chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến :

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân C thụ lý giải quyết vụ hôn nhân gia đình đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý, xác

định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định, trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng cho VKS và cho đương sự đúng quy định. Đảm bảo về mặt thời hạn chuẩn bị xét xử.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hồng Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 22/3/2010. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nay không ai quan tâm đến ai, xác định mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021, tình cảm vợ chồng không còn điều này đã được chị H, anh Đ và chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú xác nhận, chị H làm đơn ly hôn anh Đ không đồng ý. Xét thấy việc xin ly hôn của chị H là có căn cứ Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Về con cái: Chị H và anh Đ có 02 con chung, cháu Nguyễn Hồng C, sinh ngày 17/09/2011 và cháu Nguyễn Hồng T, sinh ngày 06/9/2014. Nếu ly hôn anh chị cũng đồng ý giao cho cháu Nguyễn Hồng T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Hồng C cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh chị là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con cái nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung và C nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[1]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hồng Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 22/3/2010. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, chị H làm đơn ly hôn anh Đ không đồng ý. Xét thấy hôn nhân tồn tại được dựa trên tình cảm từ hai phía, vợ chồng phải còn tình cảm, phải có trách nhiệm, quan tâm đến nhau cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh chị không ai quan tâm đến ai, xác định mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021, tình cảm vợ chồng không còn điều này đã được chị H, anh Đ và chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú xác nhận, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị H và anh Đ trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung được chị H làm đơn ly hôn là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị H được ly hôn anh Đ.

[2]. Về con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung, cháu Nguyễn Hồng C, sinh ngày 17/09/2011 và cháu Nguyễn Hồng T, sinh ngày 06/9/2014. Ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận giao cháu Nguyễn Hồng T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Hồng C cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh chị là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con cái nên C nhận sự thỏa thuận của anh chị.

[3]. Về tài sản chung và C nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4.]. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 271; 273 BLTTDS. Điều 6, điểm a khoản 5, Điều 27, khoản 1.1 Điều 1 phần I, mục A Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Hồng Đ

2. Về con chung: Chị H và anh Đ, anh chị có 02 con chung, cháu Nguyễn Hồng C, sinh ngày 17/09/2011 và cháu Nguyễn Hồng T, sinh ngày 06/9/2014. chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị giao cháu Nguyễn Hồng T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Hồng C cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào

phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và C nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết .

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số: A/2021/0001349 ngày 03/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị H đã nộp đủ.

Ng- ời đ- ợc thi hành án, ng- ời phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. /.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tp Thanh Hóa;
- Chi cục THADS tp Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND ph Q ;
- Lưu Hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Nguyệt